

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DS-ST**

Ngày: 30-9-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đăng L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 1, tổ 11, ấp 4, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Đăng L trình bày:

Vào năm 2018 tôi có cho ông Hoàng Văn T vay tiền. Mục đích vay tiền là để ông T đầu tư làm nấm rơm tại ấp 3, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai với số tiền vay 38.500.000đ, được đưa làm 03 đợt như sau:

Đợt 1 ngày 20/9/2018 với số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng.

Đợt 2 ngày 29/11/2018 với số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng

Đợt 3 ngày 20/3/2019 với số tiền 3.500.000đ, thời hạn vay là 05 ngày.

Các lần vay đều viết giấy vay, ông T có ký. Việc vay tiền không có lãi.

Do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên đến tháng 5/2019 tôi có đến gặp và đòi tiền thì ông T hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả. Đây là tiền riêng của tôi, không liên quan gì đối với vợ tôi là bà Huỳnh Thị Kim Tuyền. Vì vậy tôi yêu cầu bà M(vợ ông T), ông T phải trả cho tôi tổng số tiền đã vay là 38.500.000đ (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Ngày 28/8/2020 ông L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị M (vợ ông T) liên đới thanh toán nợ, chỉ yêu cầu ông T phải trả cho tôi số tiền 38.500.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Hoàng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T, bà M đều vắng mặt nên không có lời khai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đảm bảo đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M liên đới thanh toán số 38.500.000đ tiền nợ do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đăng L về việc buộc bị đơn ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Đăng L số tiền 38.500.000đ

Ông T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Đăng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hoàng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, ông T và bà M.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Trần Đăng L khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn T phải trả cho ông số tiền 38.500.000đ xuất phát từ giao dịch vay tài sản. Đề chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của mình ông L đã cung cấp giấy vay tiền ngày 20/9/2018, 29/11/2018, giấy mượn tiền ngày 20/3/2019 trong đó có chữ ký của bên vay là ông Hoàng Văn T. Theo nguyên đơn trình bày giữa ông và ông T có giao dịch vay tài sản, được chia làm 03 đợt: Đợt 1 ngày 20/9/2018 với số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng (bút lục 30); Đợt 2 ngày 29/11/2018 với số tiền 20.000.000đ (bút lục 29), thời hạn vay là 01 tháng; Đợt 3 ngày 20/3/2019 với số tiền 3.500.000đ (bút lục 28), thời hạn vay là 05 ngày. Thời hạn kết thúc việc vay mượn là tháng 3/2019. Ông L đã nhiều lần đến đòi nhưng ông T không trả.

Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã tiến hành thủ tục trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông L tại giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018 (ký hiệu M), giấy vay tiền đề ngày 29/11/2018 (ký hiệu M1), giấy mượn tiền đề ngày 20/3/2019 (ký hiệu M2) và mẫu so sánh là Hợp đồng tín dụng số LD 18189900264 ngày 19/7/2018 và phụ lục tài sản kèm theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (sacombank)-chi nhánh Long Khánh-Phòng giao dịch Gia Kiệm với ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M tại phần BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG có chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Văn T và các chữ ký của ông T tại phía bên trái cuối mỗi trang của Hợp đồng tín dụng và phụ lục nêu trên (ký hiệu M3) do ông Trần Đăng L cung cấp cho Tòa án. Theo kết luận giám định số 3532/C09B ngày 14/7/2020 của Phân viện Khoa học hình sự-Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 48) thể hiện:

Chữ ký, chữ viết học tên “Hoàng Văn T” dưới mục “Người vay tiền” trên tài liệu 03 cần giám định: “giấy vay tiền” đề ngày 20/9/2018 (ký hiệu A1); “giấy vay tiền” đề ngày 29/11/2018 (ký hiệu A2); “giấy mượn tiền” đề ngày 20/3/2019 (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Văn T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra.

Bị đơn ông Hoàng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T, bà M đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T, bà M không quan tâm đến số tiền đã vay của ông L cũng không có thiện chí hòa giải để tìm ra phương hướng tốt nhất trong việc trả nợ với ông L. Do ông T, bà M không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, có đủ cơ sở xác định giữa ông L và ông T đã xác lập giao dịch theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông L cho ông T vay 38.500.000đ, thời hạn trả nợ là 03 tháng đối với giấy vay tiền ngày 20/9/2018, 01 tháng đối với giấy vay tiền ngày 29/11/2018, 05 ngày đối với giấy mượn tiền ngày 20/3/2019.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T phải trả cho ông L số tiền 38.500.000đ.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ngày 28/8/2020 ông L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà M liên đới thanh toán nợ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.000.000đ, ông Trần Đăng L tự nguyện chịu. Ông L đã nộp xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 147; Điều 161, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 358, Điều 463, Điều 466, Điều 467, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị M do ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Hoàng Văn T.

Buộc ông Hoàng Văn T phải trả cho ông Trần Đăng L 38.500.000đ (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Đăng L tự nguyện chịu. Ông L đã nộp xong.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 1.925.000đ (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Đăng L số tiền 962.000đ (Chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số 0002983 ngày 31/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Nghĩa

Nguyễn Thị Liệu

Phạm Ngọc Quyền

